

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ TIẾNG TRUNG QUỐC

- 1. Chương trình đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc**
- 2. Chương trình đào tạo: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc**

Chương trình đào tạo chuẩn ĐHQGHN trình độ tiến sĩ được ban hành theo Quyết định số 1648/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: TIẾN SĨ

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

MÃ NGÀNH: **9220201**

MÃ CHUYÊN NGÀNH: **9220204.01**

*(Ban hành theo Quyết định số 1648/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành/ chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Ngôn ngữ Trung Quốc
 - + Tiếng Anh: Chinese Linguistics
- Mã số ngành/ chuyên ngành đào tạo: 9220204.01
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Ngôn ngữ Trung Quốc
 - + Tiếng Anh: Chinese Linguistics
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Trung Quốc
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
 - + Tiếng Anh: Doctor of Chinese Linguistics
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc đào tạo những nhà

chuyên môn có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến về ngôn ngữ Trung Quốc và các khoa học có liên quan; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tầm chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành chuyên sâu kết hợp với kỹ năng nghiên cứu khoa học được tích lũy, nghiên cứu sinh tốt nghiệp có thể tham gia các công trình nghiên cứu khoa học các cấp, kết hợp nghiên cứu khoa học với giảng dạy, nâng cao hiệu quả công tác; có phẩm chất và năng lực tập hợp lực lượng cán bộ xung quanh tham gia nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực liên quan đến chuyên môn của mình cũng như nghiên cứu liên ngành.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Mục tiêu đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc phải đáp ứng mục tiêu của bậc học tiến sĩ do nhà nước Việt Nam qui định là “đào tạo những chuyên gia có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, giải quyết những vấn đề khoa học- công nghệ và hướng dẫn hoạt động chuyên môn”. Mục tiêu này được cụ thể hoá trong chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc như sau:

Về kiến thức: Đào tạo ra những nhà khoa học có trình độ lý thuyết cao về lý luận và có kỹ năng nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc và các khoa học có liên quan, mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc, có kiến thức sâu rộng về lý luận ngôn ngữ nói chung và lý luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc nói riêng, có khả năng vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam;

Về kỹ năng: Phát triển các kỹ năng trình bày các vấn đề bằng văn phong khoa học, viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế, kỹ năng tiến hành các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lý luận ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, kỹ năng quản lý

nghiên cứu và quản lý thời gian nghiên cứu một cách có hiệu quả trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam;

Về nghiên cứu: Phát triển các phương pháp nghiên cứu phù hợp để giúp nghiên cứu sinh có thể độc lập thực hiện nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc, có khả năng phát triển các khái niệm lý thuyết, khả năng xây dựng và phát triển các đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng mới phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội;

Về phẩm chất chính trị: Góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Người học tốt nghiệp chương trình có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về đạo đức nghiên cứu và về vai trò, trách nhiệm của người nghiên cứu đối với sự phát triển chung của xã hội.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN.

3.2 Đối tượng dự tuyển

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đúng ngành từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/ chuyên ngành đúng, ngành/ chuyên ngành phù hợp hoặc ngành/ chuyên ngành gần với ngành/ chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành, cụ thể văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ GD&ĐT;

- Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/ liên ngành công nhận. Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/ báo cáo khoa học;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam

công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng kí dự tuyển. Phù hợp với bảng tham chiếu quy định theo Quy chế đào tạo tiến sĩ tại ĐHQGHN, ban hành theo quyết định 4555/QĐ-ĐHNN ngày 27 tháng 11 năm 2017 của ĐHQGHN.

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

- Trong các trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

Về chuyên môn: Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giới thiệu giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về: Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

Về thâm niên nghề nghiệp: Có 02 năm công tác trong lĩnh vực nghiên cứu.

3.3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần:

Chuyên ngành phù hợp: Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ học hoặc Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc.

Chuyên ngành gần: Các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Giáo dục học tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ học, Ngữ văn (tiếng Trung Quốc), Văn học Trung Quốc.

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh: Theo chỉ tiêu chung

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung (đối với NCS từ cử nhân)

- CDR 1. Vận dụng được những kiến thức nền tảng của triết học, chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có phương pháp luận nghiên cứu khoa học

tiên tiến áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành.

- CDR 2. Vận dụng được những kiến thức cơ bản của một ngoại ngữ thứ hai để giao tiếp (trình độ tương đương bậc 4 trở lên theo Khung tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài).

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

- CDR 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học Trung Quốc, ngôn ngữ, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.

- CDR 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên việc nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

- CDR 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và Hán tự để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

1.3. Kiến thức của ngành/ chuyên ngành

- CDR 6. Vận dụng thành thực năng lực tiếng Trung Quốc học thuật nâng cao và ngoại ngữ thứ hai ở mức tương đương bậc 4 trở lên theo khung tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài để liên tục cập nhật kiến thức liên quan trực tiếp đến đề tài của mình với tư duy mở, nhằm củng cố thế giới quan khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

- CDR 7. Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo trong nước và

quốc tế và bảo vệ luận án; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các NCS khác.

- CDR 8. Vận dụng sáng tạo các khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc, ngôn ngữ học đối chiếu, ngoại ngữ học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ và các hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa

- CDR 9. Vận dụng linh hoạt và tương đối trọn vẹn kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.

1.4. Kiến thức chuyên đề NCS

- CDR 10. Thành thực các kỹ năng làm việc theo nhóm nghiên cứu chuyên sâu, dẫn dắt các thảo luận, chia sẻ để tiến hành các nghiên cứu tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, làm hạt nhân trong các nhóm nghiên cứu chuyên sâu.

- CDR 11. Vận dụng tổng hợp được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức chuyên ngành và liên ngành để *rút ra nguyên tắc, quy luật* trong quá trình làm nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến, những đề xuất với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn có giá trị; có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến trong việc tổ chức nghiên cứu đề tài luận án cũng như để hoạt động chuyên môn trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế.

- CDR 12. Có kỹ năng *xác định chính xác* phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu.

1.5 Yêu cầu đối với luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn - có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn các vấn đề thuộc nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, các luận điểm và kết quả nghiên cứu cần bảo vệ. Luận án có thời lượng 96 tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Luận án tiến sĩ và tóm tắt luận án được viết bằng tiếng nước ngoài tương ứng kèm một bản tóm tắt luận án viết bằng tiếng Việt và được bảo vệ trước hội đồng bằng tiếng nước ngoài. Luận án không quá 300 trang không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

- Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận

án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (1000 đến 3000 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài tương ứng, trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

1.6 Yêu cầu về số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố

Công bố tối thiểu (trong thời gian làm nghiên cứu sinh) 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/ Scopus hoặc 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

CDR 13. Kỹ năng về nghề nghiệp:

- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề chung về lý luận ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc, về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao;

- Có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Trung Quốc trong chuyên môn cho người khác hiểu và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Trung Quốc.

CDR 14. Kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc;

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế;

- Có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể;

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn;

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

2.2. Kỹ năng khác

CDR 15. Kỹ năng cá nhân: Có kỹ năng làm việc độc lập, chủ động, sáng tạo, Vận dụng các kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v

vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo.

CDR 16. Kỹ năng làm việc theo nhóm: Thành thực các kỹ năng làm việc theo nhóm nghiên cứu chuyên sâu, dẫn dắt các thảo luận, chia sẻ để tiến hành các nghiên cứu tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, làm hạt nhân trong nhóm nghiên cứu chuyên sâu.

CDR 17. Kỹ năng giao tiếp:

- Có kỹ năng xây dựng và mở rộng các mối quan hệ với các nhà khoa học, các nhà quản lý trong và ngoài nước, trong và ngoài ngành để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của mình. Có khả năng thuyết trình và thuyết phục cao, có khả năng phản biện khoa học sâu sắc;

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

CDR 18. Kỹ năng công nghệ thông tin: Khai thác, vận dụng ở trình độ cao các ứng dụng công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích quản lý, điều hành, truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, triển khai và sáng tạo ra sản phẩm khoa học của mình.

CDR 19. Kỹ năng nghiên cứu: Có kỹ năng xác định phạm vi đề tài nghiên cứu, kỹ năng thiết lập phương pháp nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

CDR 20. Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo, sáng tạo ra tri thức mới.

CDR 21. Có tinh thần chủ động vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phức tạp thuộc ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc một cách nhanh chóng, hiệu quả, trách nhiệm.

CDR 22. Có khả năng thích ứng tốt, tự định hướng khi thực hành nghiên cứu trong chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và xử lý các nhiệm vụ chuyên môn, có

khả năng dẫn dắt người khác trong các hoạt động này.

4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc có thể đảm nhận các vị trí công tác như chuyên gia về ngôn ngữ Trung Quốc tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và quản lý đào tạo trong nước, giảng viên tiếng Trung Quốc nòng cốt tại các học viện, trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ, giảng viên, nghiên cứu viên tiếng Trung Quốc chuyên ngành tại các học viện các trường đại học và cao đẳng.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Có kỹ năng học tập và nghiên cứu độc lập để không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành học trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

Có khả năng hợp tác với đồng nghiệp phát hiện những vấn đề nảy sinh trong chuyên môn, nghiên cứu để tìm ra những giải pháp cho vấn đề đó, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

B. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	PO 14	PO 15	PO 16	PO 17	PO 18	PO 19	PO 20	PO 21	PO 22
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	4	4	4	4	x	x	x
	Ngoại ngữ B2							4	4	4			4	4		4	4	4	4	4	x	x	x
CHI 8003	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc				4			4	4	4	5	5		4	5	5	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8004	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Trung Quốc)				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI9004	Khái luận Hán tự học					4		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI9002	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
	Từ vựng học tiếng Trung Quốc					4		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc					5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc					5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8002	Ngôn ngữ học xã hội	4		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x

CHI 8013	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán-Việt			4				4	4	4	4	5		4		4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
	Ngôn ngữ học lịch sử			5	4	4		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8010	Tiếng Hán cổ đại nâng cao					4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc			5			4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai				4			4	4	4	4	5		4		4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8007	Những vấn đề về ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu Hán-Việt					4		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI9006	Nghiên cứu dịch thuật và khuynh hướng dịch thuật đương đại Hán – Việt					4		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI9008	Những vấn đề lý luận và			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x

	thực tiễn về giao tiếp liên văn hoá Việt – Hán																						
CHI 8010	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai					5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8012	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8027	Phương pháp nghiên cứu					4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 8028	Phân tích dữ liệu			5			4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI 815	Tiểu luận tổng quan			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	x	x	x
CHI9001	Luận án	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x
		Kiến thức												Kỹ năng								Mức độ tự chủ và trách nhiệm	

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **120** tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiền sử: **15** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 06 tín chỉ
 - + Tự chọn: 09 tín chỉ
 - Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan và NCKH: **09** tín chỉ
 - Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: *(không tính số tín chỉ)*
 - Luận án tiền sử: **96** tín chỉ

b) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **171** tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung: **51** tín chỉ
 - + *Khối kiến thức chung: 09 tín chỉ*
 - + *Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành: 27 tín chỉ (bắt buộc 18 tín chỉ, tự chọn 09 tín chỉ)*
 - + *Chuyên đề (NCKH) 15 tín chỉ*
 - Các học phần tiền sử: **15** tín chỉ
 - + *Bắt buộc: 06 tín chỉ*
 - + *Tự chọn: 09 tín chỉ*
 - Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan và NCKH: **09** tín chỉ
 - Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: *(không tính số tín chỉ)*
 - Luận án tiền sử: **96** tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1 Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Các học phần tiền sử	15				
<i>I.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>06</i>				

1	CHI 8052	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc (<i>Methodology of Chinese language study</i>)	3	45	0	0	
2	CHI 8007	Ngôn ngữ học đối chiếu (<i>Contrastive Linguistics</i>)	3	45	0	0	
I.2		Các học phần tự chọn	09				
1	CHI 8045	Khái luận Hán tự học (<i>Introduction to Chinese Grammatology</i>)	3	45	0	0	
2	CHI 8002	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Morpho-syntactics</i>)	3	45	0	0	
3	CHI 8040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Lexicology</i>)	3	45	0	0	
4	CHI 8047	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Phonetics</i>)	3	45	0	0	
5	CHI 8048	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Semantics</i>)	3	45	0	0	
6	CHI 8049	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
7	CHI 8050	Ngôn ngữ học xã hội (<i>Sociolinguistics</i>)	3	45	0	0	
8	CHI 8065	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán - Việt (<i>Studies in Chinese – Vietnamese Language Contacts</i>)	3	45	0	0	
9	CHI 8016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc (<i>Studies in Chinese Translation</i>)	3	45	0	0	
10	CHI 8041	Ngôn ngữ học lịch sử (<i>Historical Linguistic</i>)	3	45	0	0	
II		Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan và NCKH	09				

II.1	CHI 8027	Phương pháp nghiên cứu (<i>Research Methodology</i>)	3	45	0	0	
II.2	CHI 8028	Phân tích dữ và liệu và thảo luận (<i>Data Analysis and Discussion</i>)	3	45	0	0	
II.3	CHI 8015	Tiểu luận tổng quan (<i>Literature Review Essay</i>)	3	45	0	0	
		Nghiên cứu khoa học	NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn				
III		Sinh hoạt chuyên môn	NCS tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sỹ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp.				
IV	CHI9001	Luận án (<i>Doctoral Thesis</i>)	96				
Tổng cộng			120				

2.2 Đối với NSC chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Học phần bổ sung	51				
I.1		<i>Khối kiến thức chung</i>	09				
I.2		<i>Các học phần bắt buộc</i>	18				
1	CHI 6045	Khái luận Hán tự học (<i>Introduction to Chinese Grammatology</i>)	3	45	0	0	
2	CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Morpho-syntactics</i>)	3	45	0	0	
3	CHI 8040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Lexicology</i>)	3	45	0	0	

4	CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Phonetics</i>)	3	45	0	0	
5	CHI 8006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Semantics</i>)	3	45	0	0	
6	CHI 8002	Ngôn ngữ học xã hội (<i>Sociolinguistics</i>)	3	45	0	0	
I.3		<i>Các học phần tự chọn</i>	09	45	0	0	
1	CHI 6044	Tiếng Hán cổ đại nâng cao (<i>Advanced Classical Chinese</i>)	3	45	0	0	
2	CHI 6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc (<i>Introduction to Chinese Classical Novels</i>)	3	45	0	0	
3	CHI 6024	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc (<i>Theories and Methods in Teaching Chinese as a Foreign Language</i>)	3	45	0	0	
4	STC6008	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (<i>Studies in Second Language Acquisition</i>)	3	45	0	0	
I.4		<i>Các chuyên đề nghiên cứu</i>	15				
1	CHI 6007	Những vấn đề về ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu Hán-Việt (<i>Issues in Contrastive linguistics and Chinese-Vietnamese contrastive study</i>)	3	45	0	0	
2	CHI 6013	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về giao tiếp liên văn hoá Việt – Hán (<i>Issues in Vietnamese-Chinese Intercultural Communication: Theory and Practice</i>)	3	45	0	0	

3	CHI 6006	Nghiên cứu dịch thuật và khuynh hướng dịch thuật đương đại Hán – Việt (<i>Translation Studies and Current Trends in Chinese – Vietnamese Translation</i>)	3	45	0	0	
4	CHI 6010	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (<i>Studies and Research Trends in Second Language Acquisition</i>)	3	45	0	0	
5	CHI 6012	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (<i>Technology in Teaching Foreign Languages</i>)	3	45	0	0	
I		Các học phần tiến sĩ	15				
<i>I.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>06</i>				
1	CHI 8003	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc (<i>Methodology of Chinese language study</i>)	3	45	0	0	
2	CHI 8004	Ngôn ngữ học đối chiếu (<i>Contrastive Linguistics</i>)	3	45	0	0	
<i>I.2</i>		<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>09</i>				
1	CHI 8021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
2	CHI 8013	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán - Việt (<i>Studies in Chinese – Vietnamese Language Contacts</i>)	3	45	0	0	
3	CHI 8016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc (<i>Studies in Chinese Translation</i>)	3	45	0	0	
4	CHI 8041	Ngôn ngữ học lịch sử (<i>Historical Linguistic</i>)	3	45	0	0	
II		Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan và NCKH	09				

II.1	CHI9027	Phương pháp nghiên cứu (<i>Research Methodology</i>)	3	45	0	0	
II.2	CHI9028	Phân tích dữ liệu (<i>Data Analysis</i>)	3	45	0	0	
II.3	CHI9015	Tiểu luận tổng quan (<i>Literature Review Essay</i>)	3	45	0	0	
		Nghiên cứu khoa học	NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.				
III		Sinh hoạt chuyên môn	NCS tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sỹ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp.				
V	CHI9001	Luận án (<i>Doctoral Thesis</i>)	96				
Tổng cộng			171				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: TIẾN SĨ

**NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
TIẾNG TRUNG QUỐC**

MÃ NGÀNH: 9140111

MÃ CHUYÊN NGÀNH: 9140111.01

(Ban hành theo Quyết định số 1648/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: ***Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc***

+ Tên tiếng Anh: ***Chinese Teaching Methodology***

Mã chuyên ngành đào tạo: 9140111.01

Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: ***Sư phạm Tiếng Trung Quốc***

+ Tên tiếng Anh: ***Chinese Language Teacher Education***

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Thời gian đào tạo: 3 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: ***Tiến sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc***

+ Tên tiếng Anh: ***Chinese Teaching Methodology***

Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: ***Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN***

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo ((mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể)

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc đào tạo những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết toàn diện và nâng cao về phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc và các khoa học có liên quan; có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Trung Quốc và các nước nói tiếng Trung Quốc (trong mối tương quan với văn hóa chung của nhân loại); có khả năng tự nghiên cứu, tự xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong việc nghiên cứu phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc, trong nghiệp vụ giảng dạy tiếng Trung Quốc; có thể tiếp tục tự học, có những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như

nghề nghiệp ở trình độ cao để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo hàng đầu trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành chuyên sâu kết hợp với kỹ năng nghiên cứu khoa học được tích lũy, nghiên cứu sinh tốt nghiệp có thể tham gia các công trình nghiên cứu khoa học các cấp, kết hợp nghiên cứu khoa học với giảng dạy, nâng cao hiệu quả công tác; có phẩm chất và năng lực tập hợp lực lượng cán bộ xung quanh tham gia nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực liên quan đến chuyên môn của mình cũng như nghiên cứu liên ngành; có khả năng nắm bắt kịp thời và kết hợp các thành tựu tiên tiến trong nghiên cứu phương pháp giảng dạy trong và ngoài nước với phương pháp truyền thống để nâng cao hiệu quả dạy học ngoại ngữ nói chung và dạy học tiếng Trung Quốc nói riêng.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Mục tiêu đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc phải đáp ứng mục tiêu của bậc học tiến sĩ do nhà nước Việt Nam qui định là “đào tạo những chuyên gia có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, giải quyết những vấn đề khoa học - công nghệ và hướng dẫn hoạt động chuyên môn”. Mục tiêu này được cụ thể hoá trong chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc như sau:

Về kiến thức: Đào tạo những nhà khoa học có trình độ lý thuyết cao về lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc và các khoa học liên quan, có kiến thức sâu rộng về lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ nói chung, có trình độ cao trong dạy học lý thuyết và thực hành tiếng Trung Quốc và chủ động, sáng tạo trong việc phát hiện, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề khoa học trong lĩnh vực dạy học tiếng Trung Quốc nói chung và trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam nói riêng.

Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng trình bày các vấn đề bằng văn phong khoa học, kỹ năng tiến hành các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ nói chung và dạy học tiếng Trung Quốc trong điều kiện ở Việt Nam nói riêng.

Về nghiên cứu: Phát triển các phương pháp nghiên cứu tiên tiến để giúp nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có thể độc lập thực hiện và hướng dẫn thực hiện các nghiên cứu khoa học với hiệu quả và tính thực tiễn cao nhất, giải quyết một cách chủ động, sáng tạo các vấn đề đặt ra trong chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc; Đào tạo những nhà khoa học có phẩm chất và năng lực tập hợp các thành viên thành nhóm nghiên cứu chuyên sâu thuộc lĩnh vực nghiên cứu của mình và nghiên cứu liên ngành.

Về phẩm chất chính trị: Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công - nghệ của đất nước, nhất là lĩnh vực dạy học và nghiên cứu phương pháp dạy học ngoại ngữ nói chung và dạy học tiếng Trung Quốc ở Việt Nam nói riêng.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

3.2. Đối tượng dự tuyển:

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc ngành/chuyên ngành gần

với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành, cụ thể văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ GD&ĐT.

- Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Phù hợp với bảng tham chiếu quy định theo Quy chế đào tạo tiến sĩ tại ĐHQGHN, ban hành theo quyết định 4555/QĐ-ĐHNN ngày 27 tháng 11 năm 2017 của ĐHQGHN.

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Proficiency Test (HSK)	HSK level 4 + HSKK intermediate
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

- Trong các trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

Về chuyên môn: Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;
- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần:

Chuyên ngành phù hợp: Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (tiếng Trung Quốc).

Chuyên ngành gần: Các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ học, Ngữ văn (tiếng Trung Quốc), Văn học Trung Quốc.

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 5 NCS/năm

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận đầu ra

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	P O 11	P O 12	P O 13	P O 14	P O 15	P O 16	P O 17	P O 18	P O 19	P O 20	P O 21	P O 22
CHI 8011	Lý thuyết về dạy học ngoại ngữ và dạy học tiếng Trung Quốc với tư cách là một ngoại ngữ	5						4	4	4						4		4	x	x		x	x	x	x
CHI 8021	Lý luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học và dạy Ngoại ngữ							4	4	4			4		4	4		4	x	x		x	x	x	x
CHI 8007	Những vấn đề về ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu Hán-Việt					4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8013	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về giao tiếp liên văn			4		5	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x

	hoá Việt – Hán																								
CHI90 06	Nghiên cứu dịch thuật và khuyñh hướng dịch thuật đương đại Hán – Việt					4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8010	Những nghiên cứu và khuyñh hướng nghiên cứu mới về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai					5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8012	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8027	Phương pháp nghiên cứu					4	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8028	Phân tích dữ liệu			5			4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8015	Tiểu luận tổng quan			4	5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
PHI50 02	Triết học					5	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x

	Ngoại ngữ B2				5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8022	Khái luận Hán tự học			5	5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc			4			4	4	4	4	5		5		4		4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 6040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc			5	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc			5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc	4		5	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc			4			4	4	4	5	5		5		4	5	5	x	x	x	x	x	x	x
CHI 6044	Tiếng Hán cổ đại nâng cao				5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc			4			4	4	4	4	5		5		4		4	x	x	x	x	x	x	x
CHI8016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc			5	5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8004	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng			4			4	4	4	4	5		5		4		4	x	x	x	x	x	x	x

	Trung Quốc)																								
CHI 6024	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc			5	4	4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 6026	Thiết kế chương trình và môn học			5				4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
STC 6007	Giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc	4		5	4	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
STC 6008	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai				4			4	4	4	5	5		5		4	5	5	x	x	x	x	x	x	x
CHI 6014	Kiểm tra - đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc	4		5	4	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x
CHI 8003	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc				4			4	4	4	5	5		5		4	5	5	x	x	x	x	x	x	x
	Luận văn	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x	x	x
		Kiến thức											Kỹ năng										Tự chủ		

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung (đối với NCS từ cử nhân)

- CĐR 1. Vận dụng được những kiến thức nền tảng của triết học, chủ nghĩa Mác–Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có phương pháp luận nghiên cứu khoa học tiên tiến áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành.
- CĐR 2. Vận dụng được những kiến thức cơ bản của một ngoại ngữ thứ hai để giao tiếp (trình độ tương đương bậc 4 trở lên theo Khung tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài).

1.2. Kiến thức nhóm ngành/chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

- CĐR 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học Trung Quốc, ngôn ngữ, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.
- CĐR 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên việc nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.
- CĐR 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và Hán tự để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

1.3. Kiến thức của ngành/chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

- CĐR 6: Vận dụng thành thực năng lực tiếng Trung Quốc học thuật nâng cao và ngoại ngữ thứ hai ở mức tương đương bậc 4 trở lên theo khung tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài để liên tục *cập nhật kiến thức* liên quan trực tiếp đến đề tài của mình với tư duy mở, nhằm củng cố thế giới quan khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

- CĐR 7: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo trong nước và quốc tế và bảo vệ luận án; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

- CĐR 8: Vận dụng sáng tạo các khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc, ngôn ngữ học đối chiếu, ngoại ngữ học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ và các hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.

- CĐR 9: Vận dụng linh hoạt và tương đối trọn vẹn kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.

1.4. Kiến thức chuyên đề tiến sĩ

- CĐR 10: Thành thực các kỹ năng làm việc theo nhóm nghiên cứu chuyên sâu, dẫn dắt các thảo luận, chia sẻ để tiến hành các nghiên cứu tổng hợp, làm giàu và bổ sung

tri thức chuyên môn, làm hạt nhân trong các nhóm nghiên cứu chuyên sâu.

- CĐR 11: Vận dụng tổng hợp được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức chuyên ngành và liên ngành để *rút ra nguyên tắc, quy luật* trong quá trình làm nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến, những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn có giá trị; có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến trong việc tổ chức nghiên cứu đề tài luận án cũng như để hoạt động chuyên môn trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế.

- CĐR 12: Có kỹ năng *xác định chính xác* phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu.

1.5. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn - có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn các vấn đề thuộc nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, các luận điểm và kết quả nghiên cứu cần bảo vệ. Luận án có thời lượng 96 tín chỉ trong chương trình đào tạo..

- Luận án tiến sĩ và tóm tắt luận án được viết bằng tiếng nước ngoài tương ứng kèm một bản tóm tắt luận án viết bằng tiếng Việt và được bảo vệ trước hội đồng bằng tiếng nước ngoài. Luận án không quá 300 trang không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

- Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài tương ứng, trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

1.6. Yêu cầu về số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố

Công bố tối thiểu (trong thời gian làm nghiên cứu sinh) 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus hoặc 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn (kỹ năng về nghề nghiệp, nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề..)

CĐR 13: *Kỹ năng về nghề nghiệp*

- Có năng lực giải quyết các vấn đề chung về lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc, về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao.

- Về trình độ tiếng Trung Quốc, nghiên cứu sinh tốt nghiệp có thể sử dụng tốt tiếng Trung Quốc ở trình độ tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương ứng với HSK cấp 5.

- Có khả năng giao tiếp bằng tiếng **Trung Quốc** trong chuyên môn.

CĐR 14: *Kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề*

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.
- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế.
- Có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể
- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.
- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

2.2.Kỹ năng khác (kỹ năng cá nhân, làm việc nhóm, sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn..)

- CĐR 15: *Kỹ năng cá nhân*: Có kỹ năng làm việc độc lập, chủ động, sáng tạo, Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;
- CĐR 16: *Kỹ năng làm việc theo nhóm*: Thành thực các kỹ năng làm việc theo nhóm nghiên cứu chuyên sâu, dẫn dắt các thảo luận, chia sẻ để tiến hành các nghiên cứu tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, làm hạt nhân trong các nhóm nghiên cứu chuyên sâu.

CĐR 17: *Kỹ năng giao tiếp*:

- Có kỹ năng xây dựng và mở rộng các mối quan hệ với các nhà khoa học, các nhà quản lý trong và ngoài nước, trong và ngoài ngành để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của mình. Có khả năng thuyết trình và thuyết phục cao, có khả năng phản biện khoa học sâu sắc.
- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau;

- CĐR 18: *Kỹ năng công nghệ thông tin*: Khai thác, vận dụng ở trình độ cao các ứng dụng công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích quản lý, điều hành, truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật và các ứng dụng công nghệ thông tin khác trong việc triển khai và sáng tạo ra sản phẩm khoa học của mình.

- CĐR 19: *Kỹ năng nghiên cứu*: Có kỹ năng xác định phạm vi đề tài nghiên cứu, kỹ năng thiết lập phương pháp nghiên cứu, kỹ năng kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CĐR 20: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo, sáng tạo ra tri thức mới.
- CĐR 21: Có tinh thần chủ động vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phức tạp thuộc chuyên ngành Lý luận và phương pháp

dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành này với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

- CĐR 22: Có khả năng thích ứng tốt, tự định hướng khi thực hành nghiên cứu trong chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc và xử lý các nhiệm vụ chuyên môn, có khả năng dẫn dắt người khác trong các hoạt động này.

4. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, trung thực trong quá trình thu thập, xử lý và công bố dữ liệu, số liệu nghiên cứu, tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội.

5. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc có thể đảm nhận các vị trí công tác chuyên gia đầu ngành về phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và quản lý đào tạo trong nước; giảng viên tiếng Trung Quốc nòng cốt tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Trung Quốc chuyên ngành nòng cốt tại các học viện các trường đại học và cao đẳng; nghiên cứu viên tại các trường đại học và viện nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh tốt nghiệp đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc có năng lực giảng dạy lý thuyết và thực hành tiếng Trung Quốc ở các bậc đại học và sau đại học, có năng lực tiến hành độc lập các nghiên cứu khoa học và hướng dẫn khoa học trong lĩnh vực phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc, có khả năng giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực này, có năng lực xây dựng các nhóm ngành nghiên cứu chuyên sâu, có năng lực xây dựng và phát triển các nhóm ngành nghiên cứu mới, và có năng lực thẩm định các công trình nghiên cứu.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Hướng dẫn đồng nghiệp phát hiện những vấn đề nảy sinh trong chuyên môn trong và ngoài đơn vị, nghiên cứu để tìm ra những giải pháp cho những vấn đề đó, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường

Có kỹ năng học tập và nghiên cứu độc lập để không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành học trong phạm vi nhà trường, Quốc gia và Quốc tế.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

a) Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 tín chỉ,
trong đó:

- Các học phần tiến sĩ: 15 tín chỉ (*tối đa 16 tín chỉ*)
 - + Bắt buộc: 06 tín chỉ
 - + Tự chọn: 09 tín chỉ
- Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan và NCKH: 09 tín chỉ (*tối đa 10 tín chỉ, trong đó NCKH không tính tín chỉ*)
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (*không tính số tín chỉ*)

- Luận án tiến sĩ: 96 tín chỉ

b) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 171 tín chỉ,
trong đó:

- Học phần bổ sung: 51 tín chỉ (*tối thiểu 30 tín chỉ, bao gồm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tương ứng*)
 - + *Khối kiến thức chung:* 09 tín chỉ
 - + **Bắt buộc:** 18 tín chỉ
 - + *Tùy chọn:* 09 tín chỉ
 - + *Chuyên đề (NCKH)* 15 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ: 15 tín chỉ
 - + **Bắt buộc:** 06 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 09 tín chỉ
- Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan và NCKH: 09 tín chỉ
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (*không tính số tín chỉ*)

- Luận án tiến sĩ: 96 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Các học phần tiên sĩ	15				
I.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	06				
1	CHI 8011	Lý thuyết về dạy học ngoại ngữ và dạy học tiếng Trung Quốc với tư cách là một ngoại ngữ (<i>Theories In Foreign Language Teaching and Teaching Chinese As A Foreign Language</i>)	33	45	0	0	
2	CHI 8021	Lý luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học và dạy Ngoại ngữ (<i>Theory and Methods in Linguistic and Language Teaching Research</i>)	33	45	0	0	
I.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	09				
1	CHI 8007	Những vấn đề về ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu Hán-Việt (<i>Issues in Contrastive linguistics and Chinese-Vietnamese contrastive study</i>)	33	45	0	0	
2	CHI 8013	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về giao tiếp liên văn hoá Việt – Hán (<i>Issues in Vietnamese-Chinese Intercultural Communication: Theory and Practice</i>)	33	45	0	0	
3	CHI 8006	Nghiên cứu dịch thuật và khuynh hướng dịch thuật đương đại Hán – Việt (<i>Translation Studies and Current Trends in Chinese – Vietnamese Translation</i>)	33	45	0	0	
4	CHI 8010	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (<i>Studies and Research Trends in Second Language Acquisition</i>)	33	45	0	0	

5	CHI 8012	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (<i>Technology in Teaching Foreign Languages</i>)	33	45	0	0	
	CHI 8046	Thiết kế chương trình và phát triển tài liệu (<i>Curriculum Design and Materials Development</i>)	33	45			
	CHI 8047	Kiểm tra -đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc (<i>Testing and Assessment in Teaching Chinese</i>)	33	45			
II		Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan, và NCKH	09				
II.1	CHI 8027	Phương pháp nghiên cứu (<i>Research Methodology</i>)	3			45	
II.2	CHI 8028	Phân tích dữ liệu (<i>Data Analysis</i>)	3		4	45	
II.3	CHI 8015	Tiểu luận tổng quan (<i>Literature Review Essay</i>)	3			45	
		Nghiên cứu khoa học (<i>NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn</i>)					
III		Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (bắt buộc) (<i>NCS phải tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sỹ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp</i>)					
IV	CHI 9002	Luận án (Doctoral Thesis)	96				
Tổng cộng			120				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần <i>(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Học phần bổ sung		51				
I.1	Khối kiến thức chung		9				
I.2	Các học phần bắt buộc		18				
1	CHI6022	Khái luận Hán tự học <i>(An introduction to Studies of Chinese Characters)</i>	3	45	0	0	
2	CHI 6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc	3	45	0	0	
3	CHI 6040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc <i>(An introduction to Studies of</i>	3	45	0	0	

		<i>Chinese Vocabulary)</i>					
4	CHI 6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (<i>Phonetics and Phonology in Language Teaching</i>)	3	45	0	0	
5	CHI 6006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc (<i>Semantics (Chinese)</i>)	3	45	0	0	
6	CHI 6021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc (<i>Pragmatics (Chinese)</i>)	3	45	0	0	
I.3	Các học phần tự chọn		9				
1	CHI 6044	Tiếng Hán cổ đại nâng cao (<i>Advanced Classical Chinese</i>)	3	45	0	0	
2	CHI 6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc (<i>Introduction to Chinese Classical Novels</i>)	3	45	0	0	
3	CHI 6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc (<i>Translation Studies (Chinese)</i>)	3	45	0	0	
4	CHI 6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Trung Quốc) (<i>Contrastive Linguistics (Chinese)</i>)	3	45	0	0	
5	CHI 6024	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc (<i>Theories and Methods in Teaching Chinese as a Foreign Language</i>)	3	45	0	0	
I.4	Chuyên đề nghiên cứu		15				
1	STC 6006	Thiết kế chương trình và môn học (<i>Chinese Language Teaching Curriculum Design and Materials Development</i>)	3	45	0	0	
2	STC 6007	Giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc (<i>Chinese Language Teaching Methodology</i>)	3	45	0	0	
3	STC 6008	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (<i>Second Language Acquisition</i>)	3	45	0	0	
4	STC 6009	Kiểm tra - đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Language Testing and Assessment</i>)	3	45	0	0	
5	STC 6005	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc (<i>Chinese Research Methods in Applied Linguistics</i>)	3	45	0	0	
II		Các học phần tiến sĩ	15				

<i>II. I</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>06</i>				
1	CHI 8011	Lý thuyết về dạy học ngoại ngữ và dạy học tiếng Trung Quốc với tư cách là một ngoại ngữ (<i>Theories In Foreign Language Teaching and Teaching Chinese As A Foreign Language</i>)	3	45	0	0	
2	CHI 8021	Lý luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học và dạy Ngoại ngữ (<i>Theory and Methods in Linguistic and Language Teaching Research</i>)	3	45	0	0	
<i>II.2</i>		<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>09</i>				
1	CHI 8007	Những vấn đề về ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu Hán-Việt (<i>Issues in Contrastive linguistics and Chinese-Vietnamese contrastive study</i>)	3	45	0	0	
2	CHI 8008	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về giao tiếp liên văn hoá Việt – Hán (<i>Issues in Vietnamese-Chinese Intercultural Communication: Theory and Practice</i>)	3	45	0	0	
3	CHI 8006	Nghiên cứu dịch thuật và khuynh hướng dịch thuật đương đại Hán – Việt (<i>Translation Studies and Current Trends in Chinese – Vietnamese Translation</i>)	3	45	0	0	
4	CHI 8010	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (<i>Studies and Research Trends in Second Language Acquisition</i>)	3	45	0	0	
5	CHI 8012	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (<i>Technology in Teaching Foreign Languages</i>)	3	45	0	0	
III		Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan, và NCKH	09				
<i>III.1</i>	CHI 8027	Phương pháp nghiên cứu (<i>Research Methodology</i>)	<i>03</i>			45	
<i>III.2</i>	CHI 8028	Phân tích dữ liệu (<i>Data Analysis</i>)	<i>03</i>			45	

III.3	CHI 8015	Tiểu luận tổng quan (<i>Literature Review Essay</i>)	03			445	
		Nghiên cứu khoa học (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)					
IV		Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (bắt buộc) (NCS phải tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sỹ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp)					
V		Luận án	96				
		Tổng cộng	171				

